

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 93/2021/HS-ST
Ngày: 26 – 4 – 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Năm.

2/ Bà Đặng Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí M tham gia phiên tòa: Ông Mai Ngọc Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Hữu T, sinh ngày 24/7/1996 tại Thành phố Hồ Chí M; nơi cư trú: (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 14B/22A H.P, Phường D, Quận B, Thành phố Hồ Chí M; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: (biết đọc, nhưng không biết viết); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Nguyễn Thị Bích L; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 17/11/2020 đến nay.

(Có mặt)

Bị hại: Chị Nguyễn Huỳnh Y.D, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Số 154/17 P.P, Phường E, Quận B, Thành phố Hồ Chí M. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với Chị Nguyễn Huỳnh Y.D từ trước và nghi ngờ chị D có bán ma túy cho người nghiện, nên Lê Hữu T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị D để có tiền tiêu xài. Để tránh bị chị D phát hiện, ngày 14/9/2020, T sử dụng số điện thoại

0909.xxx.xxx kết bạn Zalo với chị D và tự xưng tên là M, đang công tác tại Đội Cảnh sát hình sự Công an Quận 8. Qua nhắn tin nói chuyện, T đe dọa và yêu cầu chị D phải đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng. Nếu chị D không đưa tiền sẽ bị người theo dõi trong sinh hoạt hằng ngày và sẽ bị kiểm tra nhà. Do bị T đe dọa, nên chị D hoang mang lo sợ việc bị theo dõi và bị kiểm tra nhà sẽ ảnh hưởng uy tín, danh dự của gia đình, bà con hàng xóm (mặc dù chị D không có bán ma túy như T nghĩ); vì vậy chị D đã đồng ý đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng. T sợ bị phát hiện nên đã nhờ bạn là Vy N M Th đi nhận tiền giúp T.

Đến khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 16/9/2020, Th liên hệ và gặp Nguyễn M P (do chị D không trực tiếp đưa tiền mà nhờ P đến điểm hẹn đưa tiền giúp). Tại quán cà phê số 20 HP, Phường D, Quận B; P đưa tiền cho Th thì lực lượng tuần tra của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 8 phát hiện Th và P có biểu hiện có nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và mời về trụ sở Công an Phường 8, Quận 8 để làm rõ. Qua làm việc, Th khai nhận do T nhờ Th đi lấy tiền và Th không liên quan đến hành vi phạm tội của T. Cùng ngày 16/9/2020, chị D đã đến Công an Phường 8, Quận 8 trình báo sự việc bị đe dọa chiếm đoạt số tiền trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, T khai nhận: Do nghi ngờ chị D bán ma túy và cần tiền tiêu xài, nên T đã nảy sinh ý định giả danh mình là công an để đe dọa làm chị D sợ và yêu cầu chị D đưa số tiền 5.000.000 đồng xem như là tiền bảo kê cho chị D làm ăn.

Đối với Vy N M Th, qua làm việc, Th khai nhận được T nhờ đi lấy tiền giúp T và T có nói với Th là nếu người đưa tiền có hỏi thì nói là “Lính của anh M hình sự” là người kia sẽ đưa tiền. Th không biết số tiền trên là bao nhiêu và từ đâu mà có. Do T nhờ và hứa sẽ cho Th tiền tiêu xài, nên Th đồng ý đi lấy tiền giúp T. Sau đó, Th đã chỉ nơi T đang chờ Th để nhận tiền, nên Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đã tiến hành mời T về làm việc và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 bì thư, bên trong có số tiền 5.000.000 đồng (gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) và 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max: Thuộc sở hữu của Chị Nguyễn Huỳnh Y.D. Ngày 08/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 trả lại cho chị D và chị D không có yêu cầu bồi thường gì khác.

- Chiếc điện thoại di động OPPO A3S do Vy N M Th giao nộp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã trả lại cho anh Th.

- 01 điện thoại di động hiệu ITEL và 01 điện thoại di động Iphone 5 do Lê Hữu T giao nộp.

Đối với Vy N M Th, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án; nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không xử lý.

Bản cáo trạng số 65/CT-VKSQ8 ngày 25/02/2021, của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Hữu T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Hữu T theo Cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 170; điểm h, điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Lê Hữu T mức án từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn phần hình phạt bổ sung cho bị cáo (do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khó thi hành).

- Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị không giải quyết về trách nhiệm dân sự (do đương sự không có yêu cầu) và xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Itel và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 (do bị cáo đã dùng vào việc phạm tội).

* Bị cáo không tranh luận, không bào chữa mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt để được sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí M; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí M; của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, với cách thức thủ đoạn “giả danh là cán bộ Đội Cảnh sát Hình sự Công an Quận 8” để uy hiếp tinh thần của bị hại Nguyễn Huỳnh Yến D, qua đó nhằm chiếm đoạt T sản là số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để tiêu xài cá nhân.

Xét nội dung bị cáo khai nhận phù hợp với các T liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí M đối với bị cáo.

[3] T sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại thuộc trường hợp T sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng. Do đó, với hành vi phạm tội và trị giá T sản bị chiếm đoạt; đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Hữu T đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; T sản mà bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, nên được xem là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm: h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Bản cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí M đối với bị cáo Lê Hữu T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có cơ sở pháp luật, đúng người,

đúng tội; mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung một số tiền nhất định từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử miễn cho bị cáo phần hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị hại đã nhận lại T sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì khác và vắng mặt tại phiên tòa; xét đây là quyền tự định đoạt, quyết định của đương sự; nên không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng:

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị chiếm đoạt (đã được thu hồi) và 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro Max cùng 01 điện thoại di động OPPO A3S; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí M đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 (do bị cáo T giao nộp), là T sản của bị cáo và bị cáo đã dùng vào việc phạm tội; nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[9] Đối với Vy N M Th, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không xử lý.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 170; các điểm: h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 17/11/2020.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Hữu T.

- Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL, số Imei 1: 352287104645608, số Imei 2: 352287104645616, gắn sim số 1: 0909776039, sim số 2: 0777573819 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5, số Imei: 990002761139169, gắn sim số: 0911137437.

(Vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 08/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí M).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Hữu T phải chịu số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Trú